

**BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG**

Số: 941/QĐ-BTTTT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC
VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Bãi bỏ nội dung thủ tục hành chính công bố tại Quyết định số 2121a/QĐ-BTTTT ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông đã được công bố tại Quyết định này kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Cục trưởng Cục Viễn thông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thủ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Công Thông tin điện tử của Bộ (để đưa tin);
- Lưu: VT, VP (Phòng KSTTHC), CVT (30).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Anh Tuấn

DANH MỤC

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ
INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ**

TRUYỀN THÔNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTTTT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

PHẦN I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1.	1.004588	Tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông sản xuất trong nước bắt buộc phải công bố hợp quy	Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT ngày 07 tháng 5 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông	Viễn thông và Internet	Cục Viễn thông
2.	1.004611	Tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông sản xuất trong nước bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy		Viễn thông và Internet	Cục Viễn thông
3.	2.001118	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải công bố hợp quy		Viễn thông và Internet	Cục Viễn thông
4.	1.002655	Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy		Viễn thông và Internet	Cục Viễn thông

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

1. Tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông sản xuất trong nước bắt buộc phải công bố hợp quy

Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân thực hiện công bố hợp quy theo trình tự sau:

- Tự đánh giá sự phù hợp của sản phẩm với quy chuẩn tương ứng theo các bước:
- + Kiểm tra tính phù hợp của kết quả đo kiểm để đảm bảo kết quả đo kiểm của đơn vị đo kiểm có đủ thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT.
- + Tự đánh giá sự phù hợp của mẫu sản phẩm trên cơ sở so sánh kết quả đo kiểm với các chỉ tiêu của Quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.
- Đăng ký mẫu dấu hợp quy (Phụ lục VI Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT).
- Lập hồ sơ đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT và gửi hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy.
- Tổ chức, cá nhân được Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không tiếp nhận Bản công bố hợp quy, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp quy về những nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện lại việc đăng ký công bố hợp quy.
- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc công bố hợp quy trong các trường hợp sau:
 - + Thiết kế kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa đã công bố hợp quy thay đổi làm thay đổi chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.
 - + Nội dung của hồ sơ công bố hợp quy đã đăng ký có sự thay đổi. Trình tự thực hiện công bố hợp quy lại giống như đăng ký công bố hợp quy lần đầu.

<p>Cách thức thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (Cổng dịch vụ công của Cục Viễn thông, cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông). - Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Cục Viễn thông (Địa chỉ: số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội)
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy. - Trường hợp tổ chức chưa có mã số doanh nghiệp hoặc cá nhân chưa có số định danh cá nhân, tổ chức, cá nhân nộp kèm theo hồ sơ công bố hợp quy bản sao một trong các loại giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (đối với tổ chức chưa có mã số doanh nghiệp); + Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (đối với cá nhân chưa có số định danh cá nhân). <p>Tổ chức, cá nhân chỉ nộp thành phần hồ sơ này khi thực hiện công bố hợp quy lần đầu hoặc các giấy tờ nêu trên có sự thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu dấu hợp quy khi thực hiện công bố hợp quy lần đầu hoặc khi mẫu dấu

	<p>hợp quy có sự thay đổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tự đánh giá gồm các thông tin sau: + Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax. + Tên sản phẩm, hàng hóa. + Hãng sản xuất. + Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật. + Số, ngày cấp kết quả đo kiểm sản phẩm. Kết quả đo kiểm này phải được cấp bởi đơn vị đo kiểm phục vụ hoạt động công bố hợp quy quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1 Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT cấp cho tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo tự đánh giá. + Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật. + Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá. <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	- Tổ chức, cá nhân sản xuất trong nước
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy
Lệ phí (nếu có):	150.000 đồng/giấy (Điều 4, Thông tư số 183/2016/TT-BTC)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm sau thủ tục):	Mẫu Bản công bố hợp quy (quy định tại Phụ lục III Thông tư 30/2011/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đến Cục Viễn thông đăng ký mẫu dấu hợp quy kèm theo bản điện tử (file) mẫu dấu hợp quy. Dấu hợp quy phải được thiết kế theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 và Phụ lục VI Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT. - Cách thể hiện dấu hợp quy: + Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.

	<p>+ Màu sắc của dấu hợp quy do tổ chức, cá nhân tự chọn, nhưng phải được thể hiện cùng một màu, bảo đảm rõ ràng, dễ thấy và bền vững. Không được in thêm bất kỳ ký tự, hình ảnh, hoa văn khác trong phạm vi dấu hợp quy. Trường hợp in dấu hợp quy lên các chất liệu khác để gắn hoặc dán thì phải lựa chọn chất liệu sao cho chỉ sử dụng được một lần, không thể bóc ra gắn lại.</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân sau khi công bố hợp quy tự thể hiện dấu hợp quy bằng cách in, gắn hoặc dán dấu hợp quy trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo.</p> <p>- Sử dụng dấu hợp quy: Tổ chức, cá nhân chỉ được phép sử dụng dấu hợp quy sau khi đã đăng ký mẫu dấu hợp quy tại cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy.</p>
<p>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông; - Luật Tần số vô tuyến điện; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; - Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT và Thông tư 10/2020/TT-BTTTT; - Thông tư 05/2019/TT-BTTTT ngày 7/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông; - Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Mẫu Bản công bố hợp quy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

.....
.....

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp/Số định danh cá nhân:.....

Điện thoại: Fax:

E-mail.....

CÔNG BỐ:

Sản phẩm:

.....

Ký hiệu:

.....

Hãng, nơi sản xuất:

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn:

.....

.....

Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy / Kết quả đo kiểm sản phẩm số:

..... Ngày:

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện tổ chức, cá nhân công bố hợp quy
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

2. Tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông sản xuất trong nước bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy

Trình tự thực hiện:	Tổ chức cá nhân thực hiện theo trình tự sau: <ul style="list-style-type: none">- Gửi văn bản đến đề nghị cấp mã quản lý cho sản phẩm đã được chứng nhận đến tổ chức chứng nhận hợp quy.- Đăng ký mẫu dấu hợp quy (Phụ lục V Thông tư số 30/2011/TT- BTTTT).- Lập hồ sơ đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Thông tư 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT và gửi hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy.
---------------------	---

	<p>- Tổ chức, cá nhân được Thông báo tiếp nhận Bản công bố hợp quy trong thời gian năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trường hợp không tiếp nhận Bản công bố hợp quy cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp quy về những nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện và thực hiện lại việc đăng ký công bố hợp quy.</p> <p>- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện lại việc công bố hợp quy trong các trường hợp sau:</p> <p>+ Thiết kế kỹ thuật của sản phẩm, hàng hóa đã công bố hợp quy thay đổi làm thay đổi chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm.</p> <p>+ Nội dung của hồ sơ công bố hợp quy đã đăng ký có sự thay đổi.</p> <p>Trình tự thực hiện công bố hợp quy lại giống như đăng ký công bố hợp quy lần đầu.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Nộp trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (Cổng dịch vụ công của Cục Viễn thông, cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông).</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Cục Viễn thông (Địa chỉ: số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội)</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>- Bản công bố hợp quy.</p> <p>- Trường hợp tổ chức chưa có mã số doanh nghiệp hoặc cá nhân chưa có số định danh cá nhân thì tổ chức, cá nhân nộp kèm theo hồ sơ công bố hợp quy bản sao một trong các loại giấy tờ sau:</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (đối với tổ chức chưa có mã số doanh nghiệp);</p> <p>+ Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (đối với cá nhân chưa có số định danh cá nhân).</p> <p>Tổ chức, cá nhân chỉ nộp thành phần hồ sơ này khi thực hiện công bố hợp quy lần đầu hoặc các giấy tờ nêu trên có sự thay đổi.</p> <p>- Mẫu dấu hợp quy khi thực hiện công bố hợp quy lần đầu hoặc khi mẫu dấu hợp quy có sự thay đổi.</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy do Tổ chức chứng nhận hợp quy hoặc tổ chức chứng nhận được thừa nhận cấp còn hiệu lực.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	- Tổ chức, cá nhân

Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Thông báo tiếp nhận
Lệ phí (nếu có):	150.000 đồng/giấy (Điều 4, Thông tư số 183/2016/TT-BTC)
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm sau thủ tục):	Mẫu Bản công bố hợp quy (quy định tại Phụ lục III Thông tư 30/2011/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):	<p>- Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đến Cục Viễn thông đăng ký mẫu dấu hợp quy kèm theo bản điện tử (file) mẫu dấu hợp quy. Dấu hợp quy phải được thiết kế theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 19 và Phụ lục V Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT.</p> <p>- Cách thể hiện dấu hợp quy:</p> <p>+ Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.</p> <p>+ Màu sắc của dấu hợp quy do tổ chức, cá nhân tự chọn, nhưng phải được thể hiện cùng một màu, bảo đảm rõ ràng, dễ thấy và bền vững. Không được in thêm bất kỳ ký tự, hình ảnh, hoa văn khác trong phạm vi dấu hợp quy. Trường hợp in dấu hợp quy lên các chất liệu khác để gắn hoặc dán thì phải lựa chọn chất liệu sao cho chỉ sử dụng được một lần, không thể bóc ra gắn lại.</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân sau khi công bố hợp quy tự thể hiện dấu hợp quy bằng cách in, gắn hoặc dán dấu hợp quy trực tiếp trên sản phẩm hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm ở vị trí dễ thấy, dễ đọc, đồng thời có thể được in trong tài liệu kỹ thuật kèm theo.</p> <p>- Sử dụng dấu hợp quy: Tổ chức, cá nhân chỉ được phép sử dụng dấu hợp quy sau khi đã đăng ký mẫu dấu hợp quy tại cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy.</p>
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<p>- Luật Viễn thông;</p> <p>- Luật Tàn số vô tuyến điện;</p> <p>- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của</p>

Chính phủ;

- Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

- Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT và Thông tư 10/2020/TT-BTTTT;

- Thông tư 05/2019/TT-BTTTT ngày 7/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Mẫu Bản công bố hợp quy

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

.....
.....

Địa chỉ:.....

Mã số doanh nghiệp/Số định danh cá nhân:.....

Điện thoại: Fax:

E-mail.....

CÔNG BỐ:

Sản phẩm:

.....

Ký hiệu:

.....

Hãng, nơi sản xuất:

.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn:

.....
.....
Căn cứ Giấy chứng nhận hợp quy / Kết quả đo kiểm sản phẩm số:

..... Ngày:

....., ngày ... tháng ... năm
Đại diện tổ chức, cá nhân công bố hợp quy
(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

3. Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải công bố hợp quy

Trình tự thực hiện:	<p>- Tổ chức, cá nhân khai/lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại điểm a khoản 2a Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT).</p> <p>- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cục Viễn thông xác nhận tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Nộp trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (Cổng dịch vụ công của Cục Viễn thông, cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc Cổng thông tin một cửa Quốc gia.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Cục Viễn thông (Địa chỉ: số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội).</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>1. Thành phần hồ sơ: Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có), bản sao (có xác nhận của tổ chức, cá nhân) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu; chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm); giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). Tổ chức, cá nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết:	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
Cơ quan thực	Cục Viễn thông

hiện thủ tục hành chính:	
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông xác nhận tại bản đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm sau thủ tục):	Mẫu đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 154/2018/NĐ-CP)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông; - Luật Tần số vô tuyến điện; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; - Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT và Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT; - Thông tư 05/2019/TT-BTTTT ngày 07/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mẫu đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi: (Tên Cơ quan kiểm tra)

Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Hợp đồng (Contract) số:

- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có)

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: ...do Tổ chức... cấp ngày: .../.../... tại:...

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: ... do Tổ chức chứng nhận..... cấp ngày .../.../... tại:...

- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số

- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số:

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số (nếu có):

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật...và tiêu chuẩn công bố áp dụng...

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)
Vào sổ đăng ký: Số.../(Tên viết tắt của CQKT)
Ngày...tháng...năm.....
(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

.....ngày..... tháng.....năm 20.....
(NGƯỜI NHẬP KHẨU)
(Ký tên, đóng dấu)

4. Xác nhận đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu bắt buộc phải chứng nhận và công bố hợp quy

Trình tự thực hiện:	<p>- Tổ chức, cá nhân khai/lập hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại điểm a khoản 2a Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP (Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 10/2020/TT-BTTTT).</p> <p>- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cục Viễn thông xác nhận tổ chức, cá nhân đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Nộp trực tuyến qua cổng dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước (Cổng dịch vụ công của Cục Viễn thông, cổng dịch vụ công của Bộ Thông tin và Truyền thông) hoặc Cổng thông tin một cửa Quốc gia.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Cục Viễn thông (Địa chỉ: số 68 đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội)</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>1. Thành phần hồ sơ:</p> <p>Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có), bản sao (có xác nhận của tổ chức, cá nhân) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu; chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm); giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định); chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). Tổ chức, cá nhân hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Thời hạn giải quyết:	01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định
Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:	- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu
Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:	Cục Viễn thông xác nhận tại bản đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đính kèm sau thủ tục):	Mẫu đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu số 01 Phụ lục III Nghị định số 154/2018/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:	Không có
Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Viễn thông; - Luật Tần số vô tuyến điện; - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; - Thông tư số 30/2011/TT-BTTTT ngày 31/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành công nghệ thông tin và truyền thông được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 15/2018/TT-BTTTT và Thông tư 10/2020/TT-BTTTT; - Thông tư 05/2019/TT-BTTTT ngày 07/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mẫu đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Kính gửi: (Tên Cơ quan kiểm tra)

Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu	Thời gian nhập
-------	------------------------------------	-------------------	------------------	----------------------	----------	----------------

			xuất		nhập	khẩu

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

- Hợp đồng (Contract) số:
- Danh mục hàng hóa (Packing list) (nếu có)
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu: ...do Tổ chức... cấp ngày: .../.../... tại:...
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: ... do Tổ chức chứng nhận..... cấp ngày .../.../... tại:...
- Hóa đơn (Invoice) (nếu có) số
- Vận đơn (Bill of Lading) (nếu có) số:
- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số (nếu có):
- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:
- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):
- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật...và tiêu chuẩn công bố áp dụng...

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)
 Vào sổ đăng ký: Số.../(Tên viết tắt của CQKT)
 Ngày....tháng.....năm.....
(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên, đóng dấu)

.....ngày..... tháng.....năm 20.....
(NGƯỜI NHẬP KHẨU)
(Ký tên, đóng dấu)